

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 30 - 5 - 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

2. Ông Tống Như Hải.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký của Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX- ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Khánh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Đinh Khánh T đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/8/2017 tại UBND thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hai bên đều tự nguyện. Khi đó chị và anh T đã có chồng, có vợ, nhưng đều đã ly hôn. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T và hai con của anh T tại khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ; mẹ đẻ anh T ở cùng nhà nhưng ăn riêng. Vợ chồng chị hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ đẻ anh T và con gái anh T không ưa chị, nói lại với anh T những chuyện không có thật. Anh T là người không có lập trường, hay nghe bên ngoài về đánh chửi chị, chị đã

khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 5/2022 chị đã xuống Hà Nội ở với con gái chị, từ đó đến nay không quay về sống cùng anh T nữa. Trong thời gian vừa qua, anh T có gọi điện cho chị nhưng nói chuyện chỉ được một vài câu là lại gây sự chửi chị và nhắn tin chửi chị không ra gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn, vì vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa.

Vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung, vay nợ chung. Về công sức đóng góp với hai bên gia đình và các vấn đề khác đều không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đinh Khánh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T và cũng không tiến hành hòa giải được.

Xác minh tại địa phương nơi chị Nguyễn Thị K và anh Đinh Khánh T chung sống, Trưởng khu dân cư, đại diện Hội phụ nữ, đại diện UBND thị trấn TB, huyện TB cung cấp: Anh T và chị K kết hôn với nhau năm 2017. Sau khi kết hôn, chị K về chung sống với anh T tại khu 10, thị trấn TB. Quá trình chung sống giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, khu dân cư đã nhiều lần phải hòa giải nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mất đoàn kết gia đình. Từ khoảng giữa năm 2022 chị K không chung sống cùng anh T nữa. Anh T và chị K không có con chung. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị K và anh T theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử cho chị Nguyễn Thị K và anh Đinh Khánh T được ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu nên không giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị K cư trú tại huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ có đơn ly hôn anh Đinh Khánh T cư trú tại huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện TB thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn là anh Đinh Khánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng không lần nào có mặt để làm việc. Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Đinh Khánh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2017. Do vậy hôn nhân giữa chị K và anh T là hợp pháp. Theo chị K trình bày và kết quả xác minh tại địa phương nơi chị K và anh T chung sống thì vợ chồng chị K, anh T đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mất đoàn kết gia đình, khu dân cư phải hòa giải nhiều lần. Thực tế, anh T và chị K đã sống ly thân một năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Xét mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị K xin ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị K và anh T không có con chung nên không phải giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Do chị K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh T chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung và yêu cầu phân chia, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị K và anh Đinh Khánh T được ly hôn.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Đinh Khánh T không có con chung nên không phải giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu nên không giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2020/0003688 ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Chị K đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Anh Đinh Khánh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện TB;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện TB;
- UBND thị trấn TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Vũ Thị Minh Hòa